

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 -7-2018
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Ông Ngô Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Huy T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 6, khu T, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 6, khu T, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Phạm Huy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng do không hiểu biết pháp luật và bận làm ăn nên anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết

hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới anh và chị T về nhà bố mẹ đẻ anh ở tổ 6, phường H, quận D sinh sống, hai bên chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đến năm 2004 anh đi làm ăn xa để quay về cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không được. Từ đó đến nay, anh và chị T sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Anh và chị T đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Nay anh thấy tình cảm với chị T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Phạm Thị D, sinh ngày 03/5/1998 và Phạm Văn T, sinh ngày 06/11/1999, các con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2018, bị đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống sau đó phát sinh mâu thuẫn như anh T trình bày là đúng. Nay anh T làm đơn yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T, chị xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày, các con đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn giữa anh T và chị T; thông báo về phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên chị T vắng mặt nên không tiến hành phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24/7/2018, song chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn, mong muốn anh T quay về để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa, anh T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Về con chung, tài sản và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị tòa án xử không công nhận anh Phạm Huy T và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng. Về con chung: Các con đã thành niên nên không phải giải quyết, về tài sản và công nợ chung anh T không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị T cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân quận D tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Phạm Huy T và chị Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau từ năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án nhân dân quận D đã thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn giữa anh T và chị T tại Ủy ban nhân dân phường H và tại Phòng tư pháp quận D, đều thể hiện trong sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn của anh T và chị T. Như vậy có cơ sở khẳng định: Anh Phạm Huy T và chị Nguyễn Thị T chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình: "... 4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và Gia đình" do đó tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của anh T.

- Về con chung:

[4] Anh T và chị T có 02 con chung là Phạm Thị D, sinh ngày 03/5/1998 và Phạm Văn T, sinh ngày 06/11/1999, các con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và công nợ chung:

[5] Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Anh Phạm Huy T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:
[7] Anh T và chị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Huy T và chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận D theo biên lai thu tiền số 144482 ngày 22/5/2018.

3. Anh Phạm Huy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H, quận D;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thùy